

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tiếp tục giảm mạnh ngay khi mới mở cửa phiên sáng xuống ngưỡng 1,690, tương đương Fibonacci 0.5. Lực cầu bắt đáy đã giúp chỉ số bật lên từ ngưỡng này và thu hẹp đà giảm. Kết phiên, VN-Index đóng cửa tại mốc 1,729.80 điểm, giảm hơn 13 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 10/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Du lịch & giải trí dẫn đầu đà giảm, theo sau là ngành Truyền thông. Ở chiều ngược lại, ngành Tài nguyên cơ bản và Dầu khí có phiên giao dịch tích cực. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả ba sàn HSX, HNX và UPCOM. Lực bắt đáy tại vùng giá thấp khá tốt, thị trường đang tìm điểm cân bằng mới sau nhịp điều chỉnh mạnh từ đỉnh. Nhà đầu tư nên giao dịch cẩn trọng khi diễn biến thị trường còn lỏng lẻo.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL giảm theo nhịp vận động của VN30, ngoại trừ 4111G1000, 4111G1000.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 26/12/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-13.05** điểm, đóng cửa tại **1729.8** điểm. HNX-Index **-0.45** điểm, đóng cửa tại **250.53** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **HPG (+1.12)**, **GAS (+0.70)**, **STB (+0.68)**, **GEE (+0.60)**, **BSR (+0.39)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-4.99)**, **VHM (-3.72)**, **VPL (-2.52)**, **VPB (-1.02)**, **MCH (-0.80)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **27,538** tỷ đồng, tăng **34.24%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 32,730 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 43.85 điểm. Thị trường có **100** mã tăng, 54 mã tham chiếu, **218** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-1148.29** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VIC (-531.17 tỷ)**, **VHM (-356.94 tỷ)**, **VRE (-120.54 tỷ)**, **DGC (-92.30 tỷ)**, **VPB (-79.03 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-64.13** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.07%**. Các mã diễn biến tích cực:
PVS (+4.01%) [\(Link báo cáo\)](#)
VCI (+3.49%)
STB (+2.86%)
- BSC50 **-0.41%**. Các mã diễn biến tích cực:
PVD (+3.21%) [\(Link báo cáo\)](#)
FTS (+2.54%)
NKG (+2.34%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.07%	-0.41%	-0.75%	-0.52%
1 tuần	1.08%	-0.31%	1.50%	1.69%
1 tháng	-1.57%	-3.88%	2.94%	2.21%
3 tháng	-3.40%	-8.55%	4.16%	6.12%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,729.80	250.53	119.28
% 1D	-0.75%	-0.18%	-0.72%
GTKL (tỷ VND)	27,538	1,569	656
%1D	34.24%	33.28%	1.77%
GDNN (tỷ VND)	-1148.29	-64.13	-10.63

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VJC	67.25	VIC	-531.17
POW	53.83	VHM	-356.94
GAS	43.58	VRE	-120.54
STB	31.68	DGC	-92.30
VND	29.60	VPB	-79.03

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

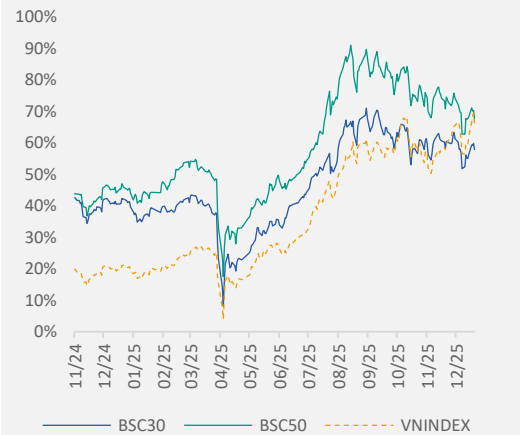
		%D	%W
SPX	6,932	0.32%	3.13%
FTSE100	9,871	-0.19%	0.99%
Eurostoxx	5,749	0.24%	0.37%
Shanghai	3,964	0.10%	1.88%
Nikkei	50,750	0.68%	2.45%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	62.45	0.33%
Giá vàng	4,522	-0.09%
Tỷ giá		
USD/VND	26,384	-0.02%
EUR/VND	31,757	0.08%
JPY/VND	172	-0.58%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.2%	0.00%
LS LNH 1M	7.6%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

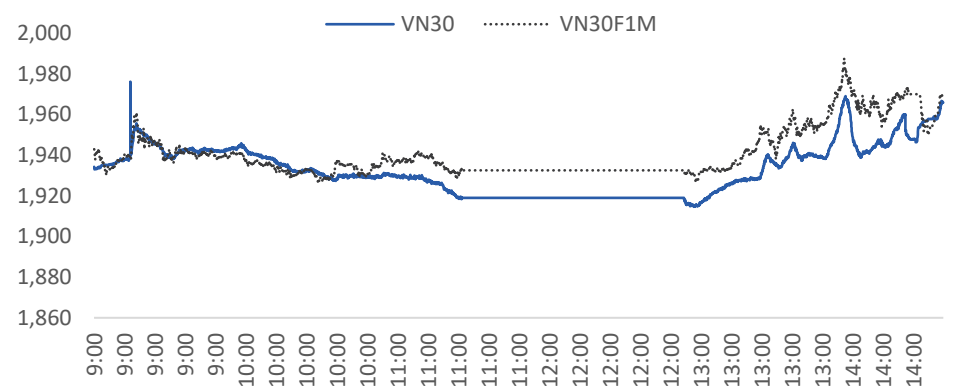
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index vs VN30F1M Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

HĐTL	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
41I1G1000	1969.00	0.97%	420,772	51.1%	15/01/2026	20
41I1G6000	1946.00	-1.72%	226	527.8%	18/06/2026	174
41I1G1000	1969.00	0.97%	420,772	51.1%	15/01/2026	20
41I1G3000	1965.00	-0.74%	244	208.86%	19/03/2026	83

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 -10.24 điểm, đóng cửa tại 1965.97 điểm. Biên độ dao động 54.42 điểm. Các cổ phiếu như VHM, VIC, VPB, VJC, MSN tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 giao dịch trong sắc đỏ từ khi mở cửa. Thanh khoản thị trường nằm trên đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các HĐTL giảm theo nhịp vận động của VN30, ngoại trừ 41I1G1000, 41I1G1000. Xét về khối lượng, tất cả các HĐTL đều tăng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CHPG2533	24/02/2026	60	154,500	16.39%	29.00	770	60.4%	0.26	31.31	26.90	26.90
CVIB2510	3/03/2026	67	14,100	22.20%	19.22	650	44.4%	0.13	21.51	17.60	17.60
CHPG2528	23/02/2026	59	2,073,400	16.28%	30.00	640	36.2%	0.26	31.28	26.90	26.90
CTCB2516	25/03/2026	89	71,100	36.64%	45.20	230	21.1%	0.02	46.32	33.90	33.90
CVRE2526	18/01/2027	388	82,200	82.06%	49.50	2,190	15.9%	0.31	58.26	32.00	32.00
CHPG2535	25/03/2026	89	1,343,200	15.32%	29.70	660	15.8%	0.45	31.02	26.90	26.90
CSTB2534	9/02/2026	45	15,100	25.98%	71.70	370	15.6%	0.11	72.44	57.50	57.50
CSTB2528	23/02/2026	59	1,237,300	1.08%	49.00	3,040	15.6%	3.16	58.12	57.50	57.50
CHPG2529	25/05/2026	150	165,100	15.43%	28.05	750	15.4%	0.52	31.05	26.90	26.90
CHPG2537	9/03/2026	73	784,900	11.15%	27.60	1,150	15.0%	0.71	29.90	26.90	26.90
CHPG2536	25/06/2026	181	208,500	28.62%	32.90	850	14.9%	0.46	34.60	26.90	26.90
CVIC2517	26/05/2026	151	58,500	24.52%	122.50	14,100	14.6%	7.37	193.00	155.00	155.00
CHPG2530	23/06/2026	179	23,200	19.37%	28.60	1,170	11.4%	0.70	32.11	26.90	26.90
CHPG2524	23/06/2026	179	2,069,700	7.17%	23.73	3,060	11.3%	2.80	28.83	26.90	26.90
CHPG2518	20/05/2026	145	1,257,800	5.25%	23.32	2,000	11.1%	1.88	28.31	26.90	26.90
CACB2509	23/01/2026	28	168,900	1.09%	20.50	1,220	10.9%	1.16	24.16	23.90	23.90
CHPG2516	23/02/2026	59	198,900	9.31%	27.57	550	10.0%	0.38	29.40	26.90	26.90
CSHB2510	4/05/2026	129	93,600	12.05%	13.67	2,630	9.6%	1.86	18.32	16.35	16.35
CHPG2525	23/09/2026	271	1,020,300	9.96%	24.15	3,260	9.4%	3.03	29.58	26.90	26.90
CSTB2526	24/02/2026	60	17,600	7.97%	55.00	1,180	9.3%	0.86	62.08	57.50	57.50

Nguồn: BSC

- Chú thích:** Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất

Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- *: Đơn vị 1,000 VND

Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Trong phiên giao dịch ngày 26/12/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.
 - CHPG2533 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 60.42%. CMBB2518 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 5.32%.
 - CVHM2521, CDGC2501, CVRE2526, CFPT2503, CVRE2525 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2509, CVIC2511, CVIC2513, CVIC2514, CVHM2510 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
HPG	26.90	2.48%	4.65
STB	57.50	2.86%	2.14
MWG	87.00	1.16%	1.85
VNM	61.50	0.33%	0.28
SSI	30.75	0.82%	0.27

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VHM	110.00	-3.76%	-3.79
VIC	155.00	-1.90%	-2.95
VPB	28.15	-2.09%	-2.03
VJC	207.90	-1.93%	-1.76
MSN	75.30	-1.31%	-1.41

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HPG	26.90	2.48%	1.12	7.68
GAS	70.50	1.88%	0.70	2.41
STB	57.50	2.86%	0.68	1.89
GEE	216.00	3.45%	0.60	0.37
BSR	16.25	2.20%	0.39	5.01

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVI	94.60	10.00%	1.30	0.23
PVS	33.70	4.01%	0.41	0.51
NFC	63.20	9.72%	0.06	0.02
HLD	21.30	7.04%	0.05	0.05
DNP	20.00	2.56%	0.04	0.14

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
C47	9.63	7.00%	0.01	0.03
VTB	20.70	6.98%	0.00	0.18
SGR	17.50	6.71%	0.02	0.19
BBC	64.00	6.67%	0.02	0.01
SRF	8.48	6.67%	0.00	0.14

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HTC	37.20	9.73%	0.24	0.00
NFC	63.20	9.72%	0.39	0.00
KKC	6.80	9.68%	0.01	0.00
QTC	38.80	9.60%	0.04	0.01
DC2	6.50	8.33%	0.02	0.02

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	155.00	-1.90%	-4.99	7.73
VHM	110.00	-3.76%	-3.72	4.11
VPL	92.10	-6.97%	-2.52	1.79
VPB	28.15	-2.09%	-1.02	7.93
MCH	220.00	-1.57%	-0.80	1.06

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	88.80	-3.48%	-0.36	0.20
KSF	68.50	-0.44%	-0.16	0.90
BAB	12.10	-1.63%	-0.12	1.00
SHS	21.10	-0.94%	-0.10	0.90
IDC	36.40	-1.09%	-0.09	0.38

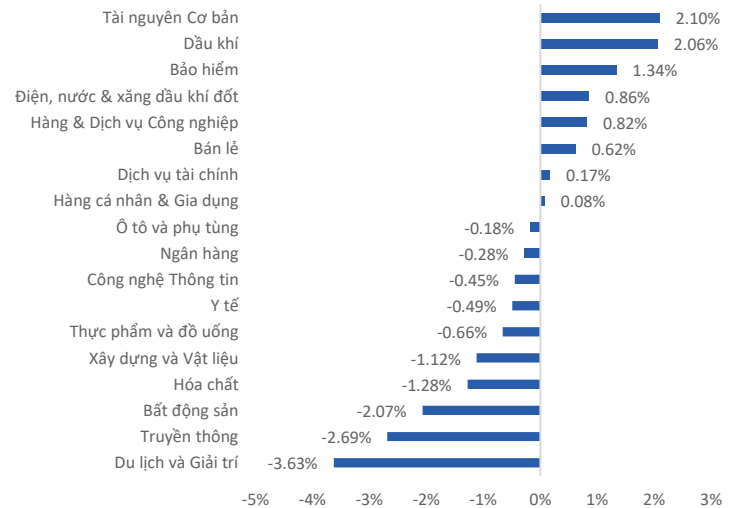
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VPL	92.10	-6.97%	-2.60	1.13
LGC	52.10	-6.96%	-0.17	0.00
HID	6.33	-6.91%	-0.01	1.65
PTC	6.39	-6.85%	0.00	0.01
GTA	9.01	-6.63%	0.00	0.00

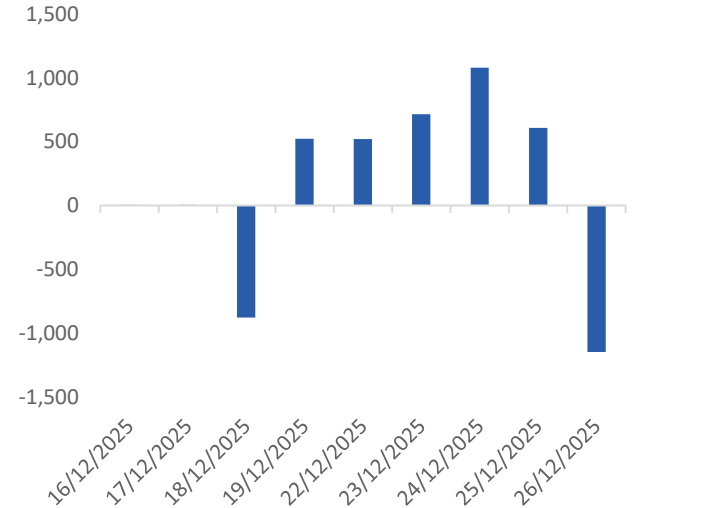
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
INC	17.70	-9.69%	-0.02	0.00
NAP	10.60	-9.40%	-0.09	0.00
EBS	10.50	-8.70%	-0.04	0.00
DDG	1.10	-8.33%	-0.03	1.55
POT	19.30	-7.66%	-0.12	0.01

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	87.0	1.2%	1.3	126,287	1279.4	3,956	21.7	106,000	47.0%	Link
KBC	Bất động sản	33.2	-0.8%	1.5	31,502	190.7	1,872	17.9	46,000	10.2%	Link
KDH	Bất động sản	32.1	-0.3%	1.2	36,079	144.2	857	37.5	39,900	28.2%	Link
PDR	Bất động sản	19.4	-0.8%	1.6	19,457	229.8	211	92.4	28,200	8.4%	Link
VHM	Bất động sản	110.0	-3.8%	1.4	469,477	1773.8	6,133	18.6	119,600	8.9%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	92.5	-0.5%	0.7	158,426	720.1	5,280	17.6	118,700	38.8%	Link
BSR	Dầu khí	16.3	2.2%	0.0	79,616	188.0	413		23,200	1.0%	Link
PVS	Dầu khí	33.7	4.0%	1.3	16,570	185.9	2,841	11.4	42,800	14.0%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	22.9	0.0%	1.3	24,731	275.9	1,351	17.0		34.1%	
SSI	Dịch vụ tài chính	30.8	0.8%	1.4	75,978	964.3	1,863	16.4		32.9%	
VCI	Dịch vụ tài chính	35.6	3.5%	1.3	29,243	497.8	1,581	21.8		14.7%	
DCM	Hóa chất	31.8	-0.6%	1.0	16,941	89.8	3,578	8.9	47,300	3.6%	Link
DGC	Hóa chất	60.9	-5.7%	0.7	24,534	623.1	8,296	7.8	109,300	7.3%	Link
ACB	Ngân hàng	23.9	-0.4%	0.8	123,280	198.9	3,385	7.1	28,400	28.6%	Link
BID	Ngân hàng	38.8	0.0%	0.8	272,429	102.1	3,781	10.3	49,500	17.1%	Link
CTG	Ngân hàng	35.2	0.6%	1.0	271,844	370.9	4,292	8.2	53,500	25.7%	Link
HDB	Ngân hàng	27.6	0.2%	1.4	137,895	589.3	3,022	9.1	34,400	23.5%	Link
MBB	Ngân hàng	24.9	-0.6%	1.1	201,375	602.4	3,017	8.3	29,300	21.2%	Link
MSB	Ngân hàng	12.3	-0.8%	1.1	38,688	206.7	1,729	7.2	14,000	29.3%	Link
STB	Ngân hàng	57.5	2.9%	1.0	105,384	987.5	6,519	8.6		14.6%	
TCB	Ngân hàng	33.9	-0.3%	1.2	240,932	488.4	3,111	10.9	41,100	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	17.0	-0.3%	1.1	47,159	130.6	2,358	7.2	-	24.8%	Link
VCB	Ngân hàng	57.1	0.0%	0.7	477,109	188.6	4,202	13.6	73,200	21.2%	Link
VIB	Ngân hàng	17.6	-1.1%	1.0	60,591	507.3	2,225	8.0	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	28.2	-2.1%	1.4	228,100	864.4	2,603	11.1	35,650	24.6%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26.9	2.5%	1.0	201,481	2596.9	1,876	14.0	33,170	19.9%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	16.1	0.0%	1.3	9,967	72.5	1,178	13.6	19,800	4.6%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	27.6	-0.9%	0.9	10,699	188.4	4,150	6.7	28,800	2.1%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	75.3	-1.3%	1.2	110,323	464.6	2,196	34.7	98,300	22.6%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	61.5	0.3%	0.6	128,114	150.9	4,160	14.7	64,500	50.7%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	39.1	-1.39%	1.1	8,758	46.2	2,410	16.4	21.8%	17.1%	Link
FRT	Bán lẻ	144.2	-1.23%	1.1	24,864	278.7	3,620	40.3	32.4%	24.8%	Link
BVH	Bảo hiểm	55.9	1.08%	0.8	41,050	38.9	3,578	15.5	26.8%	11.3%	
DIG	Bất động sản	17.5	-1.69%	1.3	14,176	189.8	523	34.0	3.3%	4.4%	
DXG	Bất động sản	17.6	0.00%	1.5	19,578	283.8	399	44.1	25.8%	3.2%	Link
HDC	Bất động sản	22.8	-2.98%	1.3	4,694	95.9	3,057	7.7	2.9%	25.2%	
HDG	Bất động sản	27.6	-1.43%	1.5	10,359	52.2	938	29.8	20.6%	5.5%	Link
IDC	Bất động sản	36.4	-1.09%	1.2	13,966	240.1	4,849	7.6	11.4%	31.5%	Link
NLG	Bất động sản	30.1	-2.90%	1.1	15,038	101.3	2,211	14.0	44.5%	8.8%	Link
SIP	Bất động sản	51.3	-0.39%	1.1	12,469	9.5	5,474	9.4	3.1%	28.2%	
SZC	Bất động sản	28.9	-1.70%	1.2	5,292	14.8	1,763	16.7	2.5%	10.1%	Link
TCH	Bất động sản	18.7	-0.80%	1.5	17,193	101.5	801	23.6	12.2%	5.7%	Link
VIC	Bất động sản	155.0	-1.90%	1.0	1,217,553	2299.5	1,147	137.7	3.1%	6.2%	Link
VRE	Bất động sản	32.0	-0.78%	1.7	73,282	638.0	2,144	15.0	13.8%	11.1%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	34.9	-0.29%	0.8	7,411	10.9	1,833	19.1	38.2%	13.2%	Link
PLX	Dầu khí	35.6	1.43%	0.7	44,534	68.9	2,090	16.8	14.7%	10.3%	Link
PVD	Dầu khí	27.4	3.21%	1.1	14,731	281.6	1,602	16.5	10.3%	5.5%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	34.4	2.54%	1.1	11,608	103.4	1,262	26.5	25.0%	10.1%	
MBS	Dịch vụ tài chính	26.2	-0.76%	1.6	17,390	103.2	1,663	15.9	3.4%	13.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	70.5	1.88%	0.7	166,976	172.4	5,014	13.8	2.0%	18.9%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.8	1.59%	0.9	38,655	129.8	680	18.5	4.6%	5.8%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	61.3	-0.16%	0.7	33,258	18.5	4,776	12.9	49.0%	13.2%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	207.9	-1.93%	0.9	125,422	421.8	2,897	73.2	7.4%	7.8%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	42.8	-0.58%	1.6	38,803	430.1	2,313	18.6	8.3%	14.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	59.5	-1.65%	1.0	25,803	108.3	3,497	17.3	41.8%	11.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	59.5	-0.83%	0.8	10,132	434.9	6,185	9.7	7.2%	31.0%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18.5	0.54%	0.9	8,647	42.4	2,090	8.8	9.6%	12.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	97.0	-0.31%	0.0	11,849	73.2	3,139	31.0	4.6%	23.0%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	95.9	0.52%	0.7	32,546	62.7	6,913	13.8	49.0%	20.0%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	26.5	-1.12%	0.8	3,003	27.0	2,535	10.6	48.5%	12.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	17.6	-1.12%	1.2	2,291	16.7	2,861	6.2	16.0%	18.7%	Link
DPM	Hóa chất	22.1	-0.23%	1.0	15,060	49.3	1,212	18.3	3.6%	7.4%	Link
GVR	Hóa chất	25.5	-0.58%	1.6	102,600	36.5	1,569	16.3	0.4%	11.3%	
EIB	Ngân hàng	21.6	-2.05%	1.1	40,980	809.7	1,635	13.5	2.9%	11.8%	Link
LPB	Ngân hàng	41.5	-1.19%	0.8	125,466	1363.8	3,469	12.1	0.9%	23.9%	Link
NAB	Ngân hàng	14.2	-0.70%	0.0	24,534	158.3	2,337	6.1	1.6%	19.3%	Link
OCB	Ngân hàng	12.1	-0.41%	0.9	32,223	24.1	1,460	8.3	19.6%	12.0%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	15.3	2.34%	1.3	6,691	98.3	571	26.2	5.0%	3.2%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	27.0	1.12%	1.2	7,109	24.5	2,829	9.4	4.5%	24.1%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	37.5	1.08%	0.7	11,279	136.2	1,715	21.6	3.5%	12.8%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	48.8	1.14%	0.6	61,820	69.9	3,373	14.3	58.6%	18.9%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	53.7	1.32%	0.8	11,896	33.4	6,944	7.6	19.4%	17.0%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	176.6	0.91%	0.1	14,326	20.1	14,639	12.0	85.2%	41.2%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	75.1	-3.10%	0.9	8,254	44.1	6,245	12.4	48.7%	7.4%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	84.0	0.00%	0.8	9,608	25.9	5,128	16.4	4.9%	29.3%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	38.5	-1.28%	1.0	3,931	34.5	3,037	12.8	5.5%	15.0%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	13.1	-1.51%	1.3	7,250	62.8	1,105	12.0	10.2%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	21.8	-0.91%	1.1	9,028	42.4	1,377	15.9	12.6%	10.0%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	22.9	-1.29%	1.0	14,998	98.7	6,148	3.8	4.5%	44.3%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	40.9	-0.73%	1.2	18,450	29.3	3,090	13.3	2.5%	15.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

 Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Click
2	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Click
3	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
4	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
5	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
6	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
7	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
8	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
9	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
10	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
11	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
12	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
13	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
14	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
15	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
16	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
17	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
25	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
26	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660
Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>